

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG BẠCH ĐĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *18*/NQ-HĐND

Bạch Đằng, ngày 14 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi
ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025
phường Bạch Đằng sau sắp xếp đơn vị hành chính**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG BẠCH ĐĂNG
NHIỆM KỲ 2021 - 2026, KỲ HỌP THỨ NĂM
(KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ) NĂM 2025**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày
16/6/2025 của Quốc hội;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật
Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử
dụng tài sản công, Luật Quản lý Thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ
quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của Hội đồng
nhân dân thành phố Hải Phòng về dự toán thu NSNN trên địa bàn; thu, chi
NSDP và phân bổ dự toán NSDP năm 2025 sau sắp xếp;*

*Căn cứ Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của Ủy ban nhân
dân thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm
2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;*

*Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 29/7/2025 của Hội đồng nhân
dân phường Bạch Đằng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu -
chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 phường
Bạch Đằng sau sắp xếp;*

*Xét Tờ trình số 52/TTr-UBND ngày 13/11/2025 của UBND phường Bạch
Đằng về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi
ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 phường
Bạch Đằng sau sắp xếp; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng
nhân dân phường và các ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường
tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2025, như sau:

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

- Tổng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn điều chỉnh kỳ này còn: 234.143 triệu đồng, giảm 8.601 triệu đồng so với dự toán giao tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 29/7/2025 của HĐND phường Bạch Đằng (Điều chỉnh từ nguồn thu cân đối bổ sung từ ngân sách cấp trên).

2. Thu ngân sách địa phương

Tổng dự toán thu ngân sách địa phương điều chỉnh kỳ này còn: 229.868 triệu đồng, giảm 8.601 triệu đồng so với dự toán giao tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 29/7/2025 của HĐND phường Bạch Đằng (Điều chỉnh từ nguồn thu cân đối bổ sung từ ngân sách cấp trên).

3. Chi ngân sách

Tổng chi ngân sách phường điều chỉnh kỳ này còn: 229.868 triệu đồng, giảm 8.601 triệu đồng so với dự toán giao tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 29/7/2025 của HĐND phường Bạch Đằng (Điều chỉnh từ nguồn chi thường xuyên sau khi trừ tiết kiệm chi 10%)

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao UBND phường tổ chức thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các tổ đại biểu HĐND và các đại biểu HĐND phường giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân phường Bạch Đằng khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ Năm (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2025. *shu*

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- VPHĐND và UBND thành phố;
- Sở Tài chính;
- TT Đảng ủy, TT HĐND, UBND phường;
- UBMTQ Việt Nam và các đoàn thể phường;
- VPĐU, VP HĐND và UBND phường;
- Các phòng, ban, ngành thuộc phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Công thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT, HSKH. *shu*

CHỦ TỊCH



Trần Huy Kiên



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Phường Bạch Đằng)

Đơn vị: Triệu đồng

T	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025		Dự toán điều chỉnh kỳ này		Chênh lệch		Ghi chú
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	
	B	1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	242.744	238.469	234.143	229.868	(8.601)	(8.601)	
	Thu nội địa	11.570	7.295	11.570	7.295	-	0	
	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)							
	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)							
	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Chi tiết theo sắc thuế)							
	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)	3.140	2.135	3.140	2.135	-	-	
	Thuế thu nhập cá nhân	1.650		1.650		-	-	
	Thuế bảo vệ môi trường							
	Lệ phí trước bạ	1.960	1.960	1.960	1.960	-	-	
	Thu phí, lệ phí	435	435	435	435	-	-	
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp							
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	870	870	870	870	-	-	
	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.620		1.620		-	-	
	Thu tiền sử dụng đất							
	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước							
	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản							

T	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025		Dự toán điều chỉnh kỳ này		Chênh lệch		Ghi chú
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	
	Thu khác ngân sách	280	280	280	280	-	-	
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1.615	1.615	1.615	1.615	-	-	
	Thu viện trợ							
	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang							
	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	231.174	231.174	222.573	222.573	(8.601)	(8.601)	
	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	231.174	231.174	222.573	222.573	(8.601)	(8.601)	
	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên							



THUYẾT MINH CHI TIẾT NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025 - PHƯỜNG BẠCH ĐĂNG
(Kèm theo Nghị quyết số 18 /NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Phường Bạch Đằng)

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025			Dự toán điều chỉnh kỳ này			Chênh lệch			Thuyết minh chi tiết nguyên nhân điều chỉnh
		Tổng	Dự toán chi trừ TK 10% chi thường xuyên	TK 10% chi thường xuyên	Tổng	Dự toán chi trừ TK 10% chi thường xuyên	TK 10% chi thường xuyên	Tổng	Dự toán chi trừ TK 10% chi thường xuyên	TK 10% chi thường xuyên	
A	B	I=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4-1	8=5-2	9=6-3	8
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH (I+II+III)	244.289	238.469	5.820	234.754	229.868	4.886	(9.536)	(8.601)	(934)	
I	Chi đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi đầu tư XD CB tập trung										
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất										
II	Chi thường xuyên	239.613	233.793	5.820	230.247	225.361	4.886	(9.367)	(8.432)	(934)	Giảm theo QĐ của TP
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	151.851	148.636	3.215	142.484	140.071	2.413	(9.367)	(8.565)	(802)	
1.1	Chi nhiệm vụ phục vụ cho giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp khác	8.609	7.760	849	8.609	7.760	849	-	-	-	
1.1.2	Trường Mầm non Minh Tân	10.459	10.348	111	10.459	10.348	111	-	-	-	
1.1.3	Trường Mầm non Gia Minh	5.537	5.480	57	5.537	5.480	57	-	-	-	
1.1.4	Trường Mầm non Gia Đức	6.401	6.334	67	6.401	6.334	67	-	-	-	
1.1.5	Trường Mầm non Ngũ Lão	10.481	10.365	116	10.481	10.365	116	-	-	-	
1.1.6	Trường Mầm non Minh Đức	8.870	8.772	98	8.870	8.772	98	-	-	-	
1.1.7	Trường Tiểu học Ngũ Lão	13.457	13.307	150	13.457	13.307	150	-	-	-	
1.1.8	Trường Tiểu học Minh Đức	11.207	11.084	123	11.207	11.084	123	-	-	-	
1.1.9	Trường Tiểu học Minh Tân	10.994	10.877	117	10.994	10.877	117	-	-	-	
1.1.10	Trường Tiểu học Gia Minh	4.510	4.466	44	4.510	4.466	44	-	-	-	
1.1.11	Trường Tiểu học Gia Đức	5.685	5.629	56	5.685	5.629	56	-	-	-	
1.1.12	Trường THCS Ngũ Lão	11.626	11.502	124	11.626	11.502	124	-	-	-	
1.1.13	Trường THCS Minh Đức	11.118	10.995	123	11.118	10.995	123	-	-	-	
1.1.14	Trường THCS Minh Tân	8.790	8.705	85	8.790	8.705	85	-	-	-	
1.1.15	Trường THCS Trần Nhật Duật	9.327	9.232	95	9.327	9.232	95	-	-	-	
1.1.16	Kinh phí chưa phân bổ	14.768	13.780	988	5.413	5.215	198	(9.355)	(8.565)	(790)	Giảm theo QĐ của TP
2	Chi khoa học và công nghệ							-	-	-	
3	Chi quốc phòng	1.285	1.285	-	1.285	1.235	50	-	(50)	50	
4	Chi an ninh	5.007	4.907	100	5.007	4.894	113	-	(13)	13	
5	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	6.877	6.777	100	6.877	6.866	11	-	89	(89)	

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025			Dự toán điều chỉnh kỳ này			Chênh lệch			Thuyết minh chi tiết nguyên nhân điều chỉnh
		Tổng	Dự toán chi trừ TK 10% chi thường xuyên	TK 10% chi thường xuyên	Tổng	Dự toán chi trừ TK 10% chi thường xuyên	TK 10% chi thường xuyên	Tổng	Dự toán chi trừ TK 10% chi thường xuyên	TK 10% chi thường xuyên	
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	1.188	1.188	-	1.188	1.121	67	-	(67)	67	
7	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	161	161	-	161	145	16	-	(16)	16	
8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	111	111	-	111	100	11	-	(11)	11	
9	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.358	1.358	-	1.358	1.222	136	-	(136)	136	
10	Chi hoạt động kinh tế	10.085	9.898	187	10.085	9.189	896	-	(709)	709	
11	Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	40.624	38.503	2.121	40.624	39.616	1.008	0	1.113	(1.113)	
1.1	Văn phòng Đảng ủy	3.060	3.024	36	3.622	3.586	36	562	562	-	Theo đề xuất của VPĐU
1.2	UB MT TQ	1.366	1.336	30	1.366	1.336	30	-	-	-	
1.3	Văn phòng HĐND-UBND	30.218	28.178	2.040	27.507	26.936	571	(2.711)	(1.242)	(1.469)	
1.4	Phòng VH-XH	910	910		1.110	1.110		200	200	-	Theo đề xuất của P VHXXH
1.5	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	1.460	1.460		1.790	1.790		330	330	-	Theo đề xuất còn thiếu KP 1 biên chế mới chuyển về của P KTHĐT
1.6	Trung tâm HCC	410	395	15	560	545	15	150	150	-	Theo đề xuất của TT HCC
1.7	Dự toán chưa phân bổ	3.200	3.200		4.669	4.313	356	1.469	1.113	356	
12	Chi bảo đảm xã hội	20.314	20.224	90	20.314	20.224	90	-	-	-	
13	Chi khác	752	745	7	752	677	75	0	(68)	68	
II	Dự phòng ngân sách	4.676	4.676		4.507	4.507		(169)	(169)	-	

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Phường Bạch Đằng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	Dự toán điều chỉnh kỳ này	Chênh lệch	Ghi chú
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG	238.469	229.868	(8.601)	
I	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	7.295	7.295	-	
-	Thu ngân sách xã hưởng 100%	5.160	5.160	-	
-	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia	2.135	2.135	-	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	231.174	222.573	(8.601)	
-	Thu bổ sung cân đối	231.174	222.573	(8.601)	
-	Thu bổ sung có mục tiêu				
III	Thu kết dư				
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	238.469	229.868	(8.601)	
I	Tổng chi cân đối ngân sách phường	238.469	229.868	(8.601)	
1	Chi đầu tư phát triển			-	
2	Chi thường xuyên	233.793	225.361	(8.432)	
3	Dự phòng ngân sách	4.676	4.507	(169)	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
II	Chi viện trợ				
III	Chi từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu				
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau				

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Phường Bạch Đằng)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

